TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BẮC TỪ LIÊM** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **20**/2024/HNGĐ-ST
Ngày 16/01/2024
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN BẮC TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Loan;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Minh Tú ; Bà Hoàng Phương Lan.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Vân - Thư ký Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyên.

Trong ngày 16 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Bắc Từ Liêm xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 431/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2023 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 106/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 84/2023/QĐDS-HPT ngày 26/12/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Chu Hữu A, sinh năm 1979; Nơi thường trú: Tổ dân phố số 1, phường T, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội; Nơi ở: Tổ dân phố số 2, phường T, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội; Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1982; Nơi thường trú và cư trú: Tổ dân phố số 3, phường T, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Tại đơn khởi kiện về việc ly hôn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn ông Chu Hữu A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông A và bà Nguyễn Thị B tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 25/11/2000 tại UBND xã Tây Tựu, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống tại tổ dân phố Trung 6, phường Tây Tựu, với bố mẹ ông A. Hôn nhân của ông bà không hạnh phúc do không có tình cảm với nhau. Sau khi kết hôn khoảng hai năm, ông bà đã phát sinh mâu thuẫn, mỗi người một ý, không có tiếng nói chung. Ông A đã bỏ ra ngoài sống từ năm 2011 và ly thân từ đó đến nay còn bà B và các con của ông bà vẫn ở nhà cùng bố mẹ ông. Ông vẫn về nhà thăm bố mẹ và các con nhưng không nói chuyện với bà B, bà B thấy ông về nhà cũng làm ngơ, không hỏi han, nói chuyện gì. Sau khi ông bỏ ra ngoài, gia đình hai bên và hai vợ chồng cũng đã hòa giải nhưng không thành do không có tình cảm với nhau. Ông đã nộp đơn ly hôn hai lần ra Tòa án vào các năm 2016 và 2018 nhưng đều bị Tòa án bác đơn. Việc ông xin ly hôn với bà B không phải vì ông có người khác hay ngoại tình gì vì ông không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống với bà B nữa. Hai ông bà đã không chung sống, không quan tâm chăm sóc nhau từ năm 2011 đến nay.

Ông A xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ nên đề nghị Toà án giải quyết cho ông được ly hôn với bà B.

Về con chung: Ông A, bà B có hai con chung Chu Hữu C, sinh ngày 13/9/2002 và Chu Thị D, sinh ngày 16/8/2004, đã trưởng thành nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông A, bà B có nhà đất hiện bà B và các con ông bà đang ở chưa được cấp sổ đỏ, ông A không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Ông A, bà B không có, không yêu cầu Toà án giải quyết

2. Tại biên bản ghi lời khai của Tòa án, đơn trình bày và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, bị đơn – bà Nguyễn Thị B trình bày:

Ông A, bà B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng kí kết hôn tại UBND xã Tây Tựu năm 2000. Ông A, bà B chung sống bình thường không có mâu thuẫn gì lớn xảy ra. Ngày 01/04/2012, bà B không thấy ông A về nên gọi điện cho thì ông A bảo đi Đà Lạt làm ăn, bảo mẹ con bà ở nhà tự làm ăn nuôi nhau, khi đó các con mới được 10 tuổi. Ông A đi Đà Lạt về thì ở tại nhà chị Đái Thị Minh là người cùng xã một thời gian, sau đó ông A chuyển lên xã Hạ Mỗ, huyện Đan Phượng sống với chị Minh và hai người có một con chung. Được một thời gian, gia đình khuyên răn, ông A đưa chị Minh về ở cùng gia đình tại Tây Tựu. Ban đầu, ông A không đồng ý, sau đó bà B nhờ địa phương giúp đỡ thì ông A lại chuyển lên ở tại nhà chị Chiến (là họ hàng với chị Minh). Gia đình họp khuyên nhủ thì ông A đồng ý quay lại với vợ con nhưng sau đó lại thay đổi ý định. Khoảng năm 2018, ông A mua đất xây nhà, ở cùng chị Minh tại ngõ 54, tổ dân phố Thượng 2, phường Tây Tựu. Ông A là người hiền lành nhưng dễ bị tác động bởi bên ngoài, ông A không muốn ly hôn nhưng bị chị Minh xúi giục. Bố mẹ ông A không muốn vợ chồng bà ly hôn, còn bản thân ông A không dám đối mặt với bà. Bà B và các con của ông bà đang ở với bố mẹ ông A. Các con của ông bà đang trưởng thành, cần sự bảo ban, dạy dỗ của cha mẹ nên bà B và bố mẹ chồng đều muốn ông A quay lại để cùng dạy bảo các con nên người. Bà đề nghị Toà án hoà giải để vợ chồng đoàn tụ, bà không đồng ý ly hôn với ông A.

Về con chung : Ông bà có hai con chung là Chu Hữu C, sinh ngày 13/9/2002, Chu Thị D, sinh ngày 16/8/2004, đã trưởng thành.

Về tài sản, nợ chung : Bà không đồng ý ly hôn nên không có ý kiến gì.

Tại phiên tòa:

- Ông A giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tòa giải quyết cho ông được ly hôn với bà B vì hai vợ chồng ly thân đã lâu, không còn tình cảm gì; các con chung của ông bà đều đã trưởng thành, khỏe C. Về tài sản chung, nợ chung: ông A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bà B trình bày: Bà không đồng ý ly hôn vì còn tình cảm với ông A. Các con chung của ông bà đều đã trưởng thành. Bà và ông A có tài sản chung, nợ chung, nhưng bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và giải quyết vụ việc:

+ Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, lập hồ sơ đầy đủ, đúng quy định. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Các quy định về phiên tòa, thủ tục bắt đầu phiên tòa, tranh tụng được thực hiện theo đúng quy định tại Chương 14 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành các quy định tại Điều 70,71, 72, 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Chu Hữu A với bà Nguyễn Thị B, ông A được ly hôn với bà B. Ông A, bà B có hai con chung Chu Hữu C, sinh ngày 13/9/2002, Chu Thị D, sinh ngày 16/8/2004, đã trưởng thành, khỏe C. Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết. Ông A phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị B là bị đơn trong vụ án thường trú và cư trú tại tổ dân phố Trung 6, phường Tây Tựu, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc về Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm theo quy định tại Điều 28, khoản 1 điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông A và bà B kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tây Tựu, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội ngày 25/11/2000. Hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Sau khi kết hôn, ông bà sống không hạnh phúc do hai vợ chồng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và gia đình chung. Hai bên sống ly thân từ năm 2011 đến nay. Gia đình hai bên và hai ông bà đã hòa giải để đoàn tụ nhưng không thành. Theo ông A, tình cảm của hai bên không còn, sống ly thân với nhau 12 năm, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không phải là do ông ngoại tình, có người khác còn theo bà B, bà còn tình cảm với chồng nhưng ông A luôn né tránh, không giáp mặt, nói chuyện với bà. Mâu thuẫn của vợ chồng phát sinh là do ông A bỏ ra ngoài chung sống với người khác (Bà Đái Thị Minh, người cùng xã) nhưng bà B không giao nộp chứng cứ gì. Đại diện tổ dân phố Thượng 2, phường Tây Tựu cung cấp: Tại tổ dân phố Thượng 2, không có ai là Chu Hữu A và Đái Thị Minh chung sống như vợ chồng và xây nhà ở đây. Địa phương và gia đình phản ánh: Ông A, bà B không có tình cảm, sống li thân với nhau từ lâu. Xét ông A, bà B không còn tình cảm, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không cùng hướng tới mục đích chung là xây dựng hôn nhân, gia đình hạnh phúc. Hôn nhân của ông bà không thể kéo dài được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc ông A yêu cầu ly hôn với bà B là có căn cứ. Do vậy, căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông A với bà B.

2.2. Về con chung : Ông A, bà B có hai con chung Chu Hữu C, sinh ngày 13/9/2002, Chu Thị D, sinh ngày 16/8/2004, đã trưởng thành, ông bà không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xét

2.3. Về tài sản chung: Ông A, bà B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về nợ chung: Ông A, bà B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Ông A phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự ; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về điều luật áp dụng : Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án lệ phí Tòa án.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của ông Chu Hữu A đối với bà Nguyễn Thị B.

3. Ông Chu Hữu A được ly hôn với bà Nguyễn Thị B.

4. Về con chung: Ông A, bà B có hai con chung Chu Hữu C, sinh ngày 13/9/2002, Chu Thị D, sinh ngày 16/8/2004, đã trưởng thành, ông bà không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xét**.**

5. Về tài sản chung: Ông A, bà B không yêu cầu giải quyết

6. Về nợ chung: Ông A, bà B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

7. Về án phí : Ông A phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Ông A, đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0044151 ngày 06/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bắc Từ Liêm nay chuyển thành án phí. Ông A đã nộp đủ án phí.

8. Về quyền kháng cáo : Ông A, bà B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận Bắc Từ Liêm,;
- Chi cục THADS quận Bắc Từ Liêm;
- TAND, VKSND TP. Hà Nội;
- UBND xã Hợp Tiến (Số 83/2017);
- Lưu hồ sơ; Văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh Loan